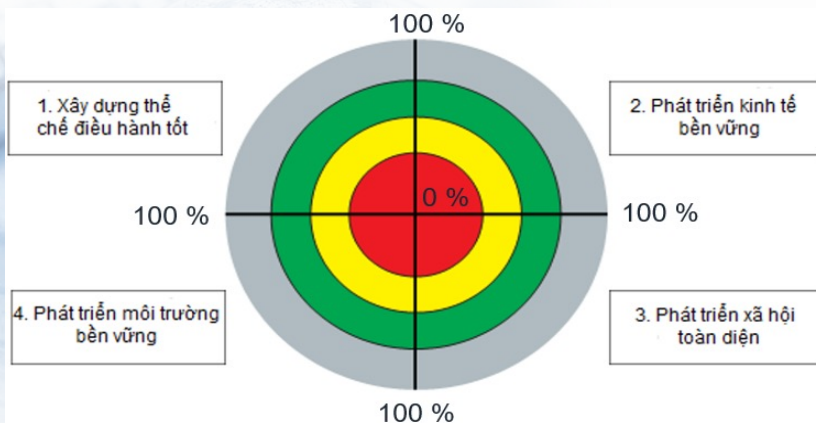


Giới thiệu công cụ đánh giá quản lý chất lượng tổng thể cho chính quyền địa phương theo Phụ lục A, TCVN ISO 18091:2020



39 chỉ số
quản lý
chính sách
công chia
thành
4 nhóm



Xây dựng thể chế điều hành tốt (10 chỉ số)



Phát triển kinh tế bền vững (8 chỉ số)



Phát triển xã hội toàn diện (12 chỉ số)



Phát triển môi trường bền vững (9 chỉ số)

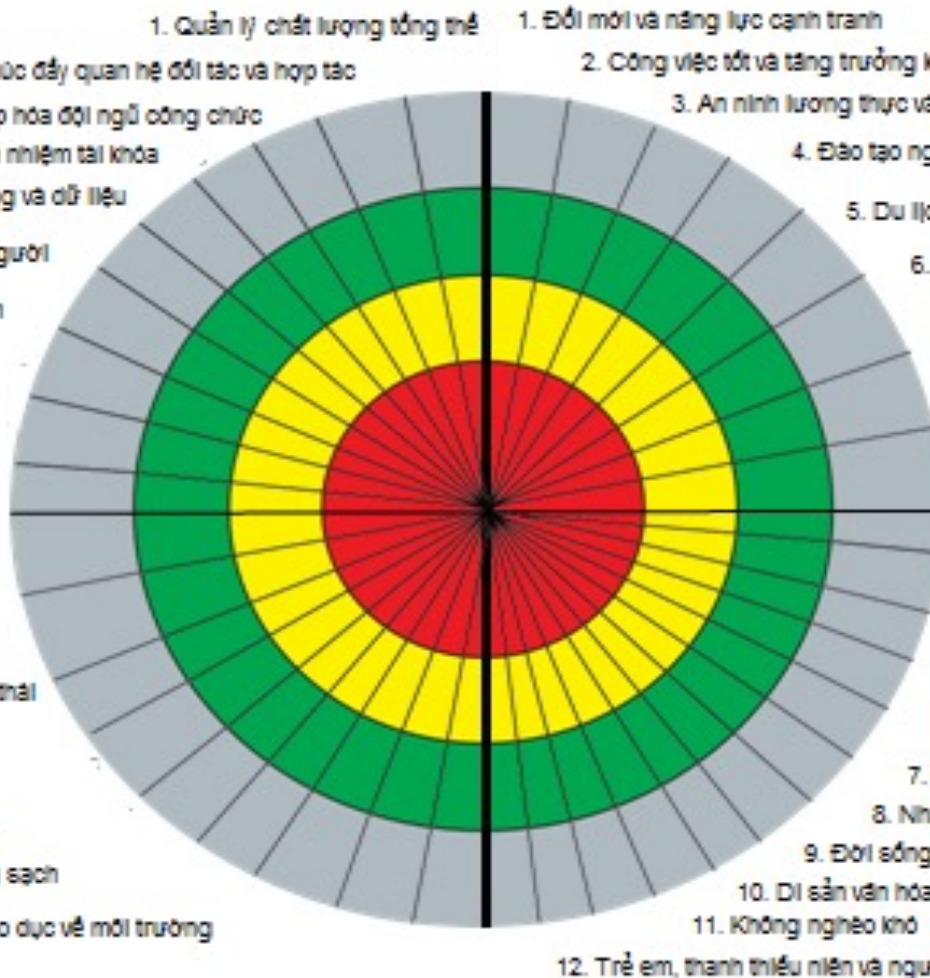
39 chỉ số gắn kết với
17 Mục tiêu phát triển
bền vững (SDGs) của
Liên hợp quốc (UN)



1. Xây dựng thể chế điều hành tốt

1. Quản lý chất lượng tổng thể
2. Thúc đẩy quan hệ đối tác và hợp tác
3. Chuyên nghiệp hóa đội ngũ công chức
4. Tài chính công và trách nhiệm tài khóa
5. Quản lý công nghệ thông tin truyền thông và dữ liệu
6. Quy tắc pháp luật và quyền con người
7. Tính minh bạch và trao đổi thông tin
8. Sự tham gia của công dân
9. Khả năng thích ứng và bảo vệ công dân
10. An ninh công cộng
1. Chất lượng không khí
2. Chất thải rắn
3. Cảnh quan và sự thu hút
4. Tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và hệ sinh thái
5. Hoạch định và phát triển đô thị
6. Nước sạch, vệ sinh và nước thải
7. Bảo vệ đất
8. Năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch
9. Hành động ứng phó biến đổi khí hậu và giáo dục về môi trường

4. Phát triển môi trường bền vững



2. Phát triển kinh tế bền vững

1. Đổi mới và năng lực cạnh tranh
2. Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế
3. An ninh lương thực và không có người đói
4. Đào tạo nghề
5. Du lịch
6. Di chuyển
7. Lĩnh vực căn bản
8. Công nghiệp, thương mại và tiêu dùng
1. Dịch vụ công
2. Thể thao, vui chơi và giải trí
3. Nhập cư và hòa nhập dân tộc xã hội
4. Bình đẳng giới
5. Dân cư dễ bị tổn thương và người khuyết tật
6. Sức khỏe và đời sống tốt
7. Chất lượng giáo dục
8. Nhà ở đáng hoàng
9. Đời sống thanh bình và văn hóa công dân
10. Di sản văn hóa
11. Không nghèo khổ
12. Trẻ em, thanh thiếu niên và người già

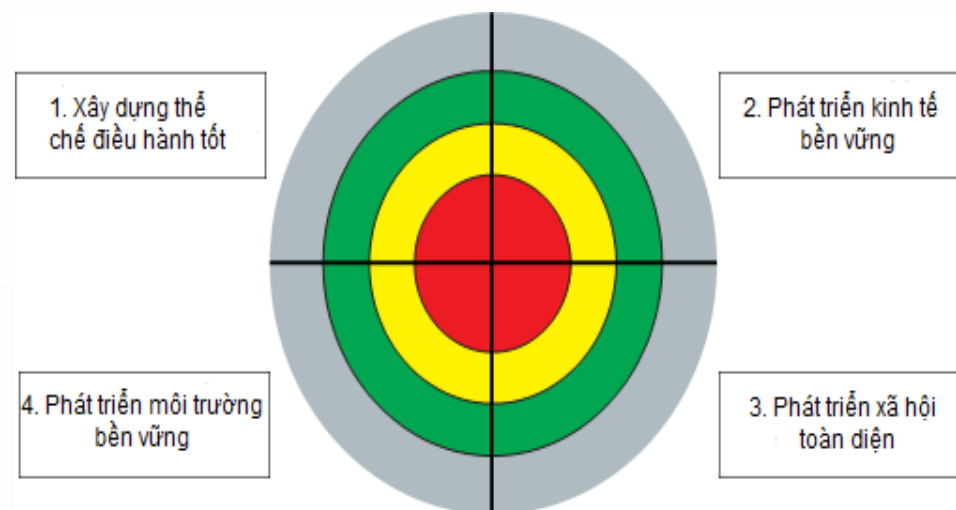
3. Phát triển xã hội toàn diện





CÔNG CỤ TỰ ĐÁNH GIÁ

- Những chỉ số này xác định sản phẩm và dịch vụ một chính quyền địa phương thông thường cần cung cấp cho khách hàng/công dân của họ để có thể trở nên tin cậy và xây dựng cộng đồng bền vững;
- Mục đích của việc tự đánh giá là để lãnh đạo cao nhất nhận biết một cách có trách nhiệm và tự nguyện mức độ thực hiện mỗi chỉ số liên quan;
- Hệ thống đánh giá này sẽ giúp lãnh đạo cao nhất xác định các yếu tố cần thiết đối với hoạt động của chính quyền địa phương và nhận biết các khu vực cải tiến phù hợp với trách nhiệm của họ hướng về khách hàng/công dân theo cách hiệu quả và minh bạch

Các mức độ được chỉ ra là “**đỏ**”, “**vàng**”, “**xanh**” và “**bạch kim**”.

- “**đỏ**”, thực tiễn quan trọng được chỉ ra là thiếu hoặc không thực hiện một cách đầy đủ bởi chính quyền địa phương để được xem là đáng tin cậy.
- “**Vàng**” có nghĩa là chính quyền địa phương đã thực hiện một số nỗ lực để thực hiện các yếu tố quan trọng và có thể cung cấp các sản phẩm/dịch vụ theo yêu cầu.
- “**Xanh**” chỉ ra các điều kiện chấp nhận đã đạt được và chính quyền địa phương có thể được xem là tin cậy.
- “**Bạch kim**” chính quyền địa phương đã thực hiện tốt, tin cậy và đáp ứng nhu cầu và mong đợi của công dân và các bên quan tâm có liên quan khác.



	BẠCH KIM = Thực hành tốt nhất
	XANH LÁ = Mức thực hành có thể chấp nhận được
	VÀNG = Dưới mức thực hành có thể chấp nhận được
	ĐỎ = Mức thực hành không thể chấp nhận được

XÂY DỰNG THỂ CHẾ ĐIỀU HÀNH TỐT (1.1-1.10)	PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG (2.1-2.8)	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TOÀN DIỆN (3.1-3.12)	PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG (4.1-4.9)
1. Quản lý chất lượng tổng thể	1. Đổi mới và năng lực cạnh tranh	1. Dịch vụ công	1. Chất lượng không khí
2.Thúc đẩy quan hệ đối tác và hợp tác	2. Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế	2. Thể thao, vui chơi và giải trí	2. Chất thải rắn
3. Chuyên nghiệp hóa đội ngũ công chức	3. An ninh lương thực và không có người đói	3. Nhập cư và hoà nhập xã hội dân tộc	3. Cảnh quan và sự thu hút
4. Tài chính công và trách nhiệm tài chính	4. Đào tạo nghề	4. Bình đẳng giới	4. Tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và hệ sinh thái
5. Quản lý công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) và dữ liệu	5. Du lịch	5. Dân cư dễ bị tổn thương/yếu thế và người khuyết tật	5. Hoạch định và phát triển đô thị
6. Quy tắc pháp luật và quyền con người	6. Di chuyển	6. Sức khỏe và đời sống tốt	6. Nước sạch, vệ sinh và nước thải

XÂY DỰNG THỂ CHẾ ĐIỀU HÀNH TỐT (1.1-1.10)	PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG (2.1-2.8)	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TOÀN DIỆN (3.1-3.12)	PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG (4.1-4.9)
7. Tính minh bạch và trao đổi thông tin	7. Lĩnh vực căn bản	7. Chất lượng giáo dục	7. Bảo vệ đất
8. Sự tham gia của công dân	8. Công nghiệp, thương mại và tiêu dùng	8. Nhà ở đảng hoàng	8. Năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch
9. Khả năng thích ứng và bảo vệ công dân		9. Đời sống thanh bình và văn hoá công dân	9. Hành động ứng phó biến đổi khí hậu và giáo dục về môi trường
10. An ninh công cộng		10. Di sản văn hoá	
		11. Không nghèo khó	
		12. Trẻ em, thanh thiếu niên và người già	

1. XÂY DỰNG THỂ CHẾ ĐIỀU HÀNH TỐT (1.1-1.10)

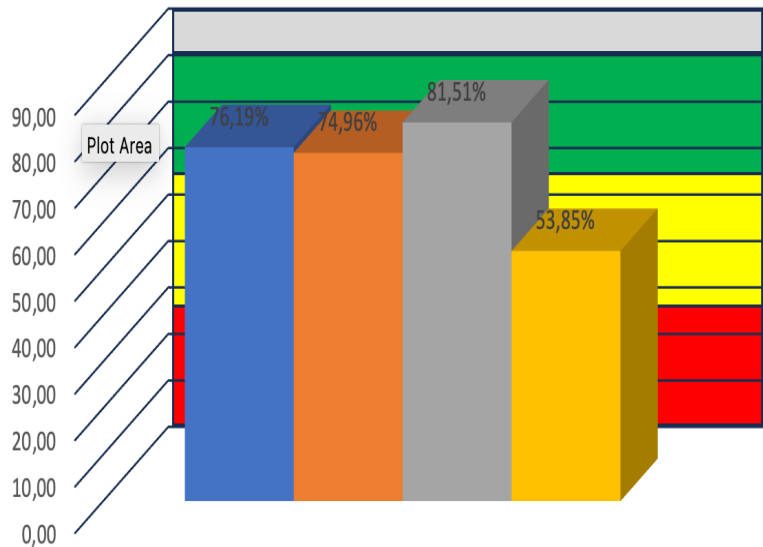
Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
1.1 Quản lý chất lượng tổng thể	Chính quyền chú trọng vào phát triển bền vững và khả năng thích ứng với hệ thống quản lý chất lượng tổng thể	Hoạt động của chính quyền địa phương không được hoạch định và lập ngân sách. Không tập trung vào phát triển bền vững và khả năng thích ứng. Hoạt động không được kiểm soát và đánh giá thông qua một hệ thống quản lý chất lượng toàn diện.	Hoạt động của chính quyền địa phương được hoạch định và tập trung vào phát triển bền vững, được kiểm soát và đánh giá thông qua hệ thống quản lý với một số quá trình hoặc phòng ban cụ thể.	Chính quyền địa phương có hệ thống quản lý chất lượng tổng thể tập trung vào phát triển bền vững và khả năng thích ứng.
1.2 Thúc đẩy quan hệ đối tác và hợp tác	Thúc đẩy quan hệ đối tác và hợp tác của chính quyền địa phương với các bên quan tâm có liên quan	Chính quyền địa phương không có sự hợp tác ở cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế. Có mối liên hệ, chính sách và hoạt động được phát triển với một số cấp chính quyền, chính quyền địa phương, hoặc các thực thể công, xã hội và tư nhân.	Chính quyền địa phương có một số hoạt động hợp tác ở cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế. Có mối liên hệ, chính sách và các hoạt động được phát triển với các cấp chính quyền khác, chính quyền địa phương, hoặc các thực thể công, xã hội và tư nhân.	Chính quyền địa phương có chiến lược thúc đẩy cộng tác và hợp tác ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế. Chiến lược này gắn với việc hoạch định của chính quyền địa phương. Các mối liên hệ, chính sách và hoạt động được phát triển với các chính quyền khác, hoặc các thực thể công, xã hội và tư nhân.

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
2.3 An ninh lương thực và không có người đói	An ninh lương thực và không có người đói	Chính quyền địa phương khuyến khích việc cung cấp và tiếp cận tự nhiên đối với thực phẩm cho khách hàng/công dân của mình. Chính quyền chưa có sự giám sát thường xuyên đối với các vấn đề về an ninh lương thực.	Chính quyền địa phương khuyến khích việc cung cấp, tiếp cận tự nhiên và thực phẩm không độc hại cho khách hàng/công dân của mình. Chính quyền có sự giám sát thường xuyên và hiệu quả các vấn đề về an ninh lương thực.	Chính quyền địa phương khuyến khích việc cung cấp đầy đủ, tiếp cận tự nhiên và thực phẩm không độc hại và bổ dưỡng cho khách hàng/công dân. Chính quyền có sự giám sát tin cậy, hệ thống và hồ sơ đầy đủ về các vấn đề về an ninh lương thực.
2.4 Đào tạo nghề	Đào tạo nghề nghiệp và kỹ thuật, giáo dục thường xuyên và năng lực sống	Chính quyền địa phương không có phân tích về thị trường lao động và nhu cầu của thị trường đối với đào tạo nghề nghiệp và kỹ thuật để có công việc tốt tại địa phương, cũng không tiếp cận việc này. Cũng không khuyến khích các hành động phù hợp với bối cảnh địa phương.	Chính quyền địa phương có phân tích chính xác về thị trường lao động và nhu cầu của thị trường đối với đào tạo nghề nghiệp và kỹ thuật để có công việc tốt tại địa phương và tiếp cận việc này. Chính quyền có các chương trình khuyến khích, nhưng chưa đủ hoặc chưa thích hợp với các phân tích.	Chính quyền địa phương có phân tích chính xác về thị trường lao động và nhu cầu của thị trường đối với đào tạo nghề nghiệp và kỹ thuật để có công việc tốt tại địa phương và tiếp cận việc này, bao gồm các chương trình đào tạo về đời sống và tinh thần kinh doanh. Có đủ các chương trình khuyến khích thích hợp với các phân tích.

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
3.7 Chất lượng giáo dục	Thúc đẩy giáo dục cơ bản có chất lượng	Chính quyền địa phương có các trường giáo dục cơ bản trong vùng lãnh thổ của mình, tuy nhiên chúng không đủ để đáp ứng nhu cầu của cư dân.	Chính quyền địa phương có đủ trường học đáp ứng nhu cầu về giáo dục cơ bản của cư dân.	Chính quyền địa phương thúc đẩy giáo dục cơ bản chất lượng và toàn diện. Chính quyền đảm bảo đầu tư vào cơ sở hạ tầng cơ bản và cải tiến chất lượng giáo dục. Có đủ trường học để đáp ứng nhu cầu giáo dục cơ bản của dân cư.
3.11 Không nghèo khó	Giảm bớt nghèo khó	Chính quyền địa phương không có hoặc chỉ có các hoạt động riêng lẻ để cung cấp sự chăm sóc đặc biệt và các dịch vụ cho dân nghèo trong vùng lãnh thổ của mình.	Chính quyền địa phương có mối liên hệ với các dự án từ các cấp chính quyền khác và các tổ chức công và tư khác để giảm bớt nghèo khó. Có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện một số hoạt động để cung cấp sự chăm sóc đặc biệt và các dịch vụ cho dân nghèo, nhưng không có sự phân tích về nghèo đói trong cư dân của mình.	Chính quyền địa phương có sự phân tích về nghèo đói trong cư dân của mình. Có mối liên hệ với các dự án từ các cấp chính quyền khác và các tổ chức công và tư khác để giảm bớt nghèo đói. Có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình cung cấp sự chăm sóc đặc biệt và các dịch vụ cho cư dân nghèo của mình.

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
4.7 Bảo vệ đất	Trách nhiệm bảo vệ đất	Chính quyền địa phương không có hoặc chỉ có một số hoạt động về trồng lại rừng.	Chính quyền địa phương có các chương trình về kiểm soát xói mòn, bảo tồn và trồng lại rừng. Tuy nhiên chưa có sự phân tích về nội dung này.	Chính quyền địa phương có sự phân tích và các chương trình về kiểm soát xói mòn, chặt phá rừng, bảo tồn, phục hồi đất và trồng lại rừng. Chiến lược này tập trung vào sự bền vững và kiên cường của hệ sinh thái.
4.8 Năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch	Thúc đẩy năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch	Chính quyền địa phương không có các hoạt động thúc đẩy năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch.	Chính quyền địa phương có một số hoạt động về thúc đẩy bảo tồn và duy trì năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch.	Chính quyền địa phương có các chương trình về thúc đẩy bảo tồn và duy trì năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch. Có các quy định, một cơ quan vận hành và một mạng lưới.

Ví dụ: kết quả đánh giá, chấm điểm



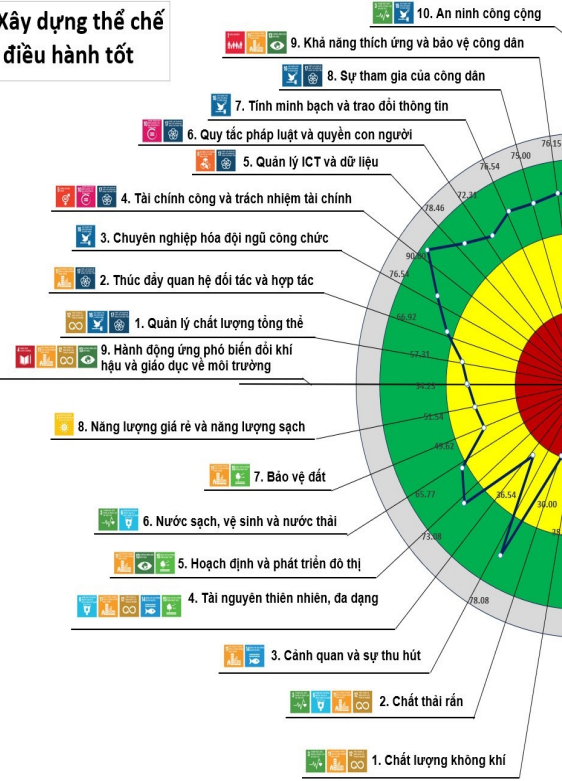
I. Xây dựng thể chế điều hành tốt

II. Phát triển kinh tế bền vững

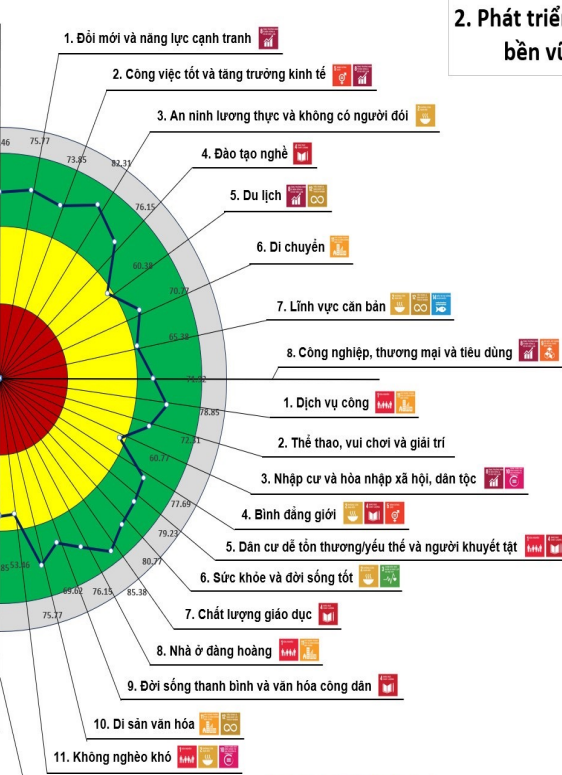
III. Phát triển xã hội toàn diện

IV. Phát triển môi trường bền vững

1. Xây dựng thể chế điều hành tốt



2. Phát triển kinh tế bền vững



4. Phát triển môi trường bền vững



3. Phát triển xã hội toàn diện

2. Xây dựng, phát triển công cụ đánh giá Quản lý chất lượng tổng thể cho CQĐP



Liên kết các chỉ số với SDGs

1. Xây dựng thể chế điều hành tốt

- 1. Quản lý chất lượng tổng thể
- 2. Thúc đẩy quan hệ đối tác và hợp tác
- 3. Chuyển nghiệp hóa đội ngũ công chức
- 4. Tài chính công và trách nhiệm tài khóa
- 5. Quản lý công nghệ thông tin truyền thông và dữ liệu
- 6. Quy tắc pháp luật và quyền con người
- 7. Tính minh bạch và trao đổi thông tin
- 8. Sự tham gia của công dân
- 9. Khả năng thích ứng và bảo vệ công dân
- 10. An ninh công cộng

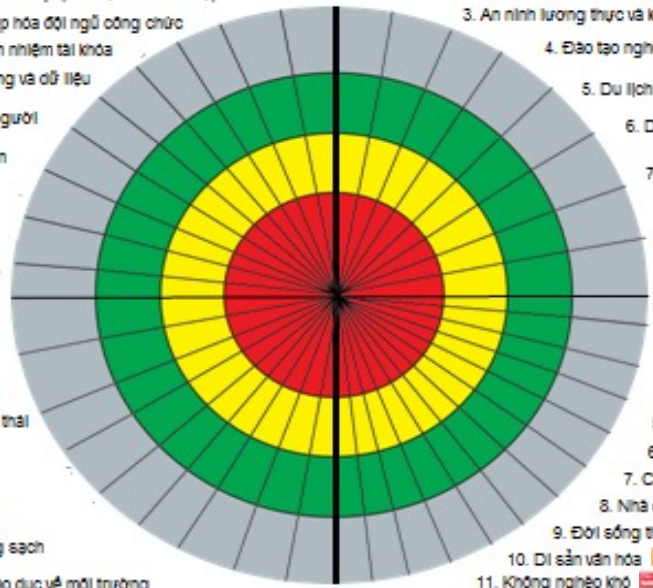
4. Phát triển môi trường bền vững

- 1. Chất lượng không khí
- 2. Chất thải rắn
- 3. Cảnh quan và sự thu hút
- 4. Tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và hệ sinh thái
- 5. Hoạch định và phát triển đô thị
- 6. Nước sạch, vệ sinh và nước thải
- 7. Bảo vệ đất
- 8. Năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch
- 9. Hành động ứng phó biến đổi khí hậu và giáo dục về môi trường

2. Phát triển kinh tế bền vững

- 1. Đổi mới và năng lực cạnh tranh
- 2. Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế
- 3. An ninh lương thực và không có người đói
- 4. Đào tạo nghề
- 5. Du lịch
- 6. Di chuyển
- 7. Lĩnh vực căn bản
- 8. Công nghiệp, thương mại và tiêu dùng
- 9. Dịch vụ công
- 10. Thể thao, vui chơi và giải trí
- 11. Nhập cư và hòa nhập dân tộc xã hội
- 12. Bình đẳng giới
- 13. Dân cư dễ bị tổn thương và người khuyết tật
- 14. Sức khỏe và đời sống tốt
- 15. Chất lượng giáo dục
- 16. Nhà ở đáng hoàng
- 17. Đời sống thanh bình và văn hóa công dân
- 18. Di sản văn hóa
- 19. Không nghèo khổ
- 20. Trẻ em, thanh thiếu niên và người già

3. Phát triển xã hội toàn diện



Mục tiêu phát triển bền vững (SDG)

- 2030 Agenda for Sustainable Development (17 Sustainable development Goals-SDGs)
- Quyết định 622/QĐ-Ttg, ngày 10/05/2017, ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững
- Quyết định 841/QĐ-Ttg, ngày 14/07/2023, ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến 2030 (thay thế QĐ số 681/QĐ-Ttg ngày 04/06/2019)
- Nghị quyết 136/NQ-CP, ngày 25/09/2020 về phát triển bền vững
 - **Chỉ thị, quyết định, kế hoạch,... của địa phương**

QUYẾT ĐỊNH 622/QĐ-TTG

- 17 mục tiêu phát triển bền vững
- 115 mục tiêu cụ thể
- Tương ứng với các mục tiêu PTBV của LHQ



QUYẾT ĐỊNH 841/QĐ-TTG

- Quy định lộ trình thực hiện các mục tiêu PTBV đến 2030 và mục tiêu cụ thể
- Các chỉ tiêu đạt được theo các mốc 2025, 2030
- Có các mục tiêu chưa quy định lộ trình
- Quy định trách nhiệm thực hiện từng mục tiêu cho các Bộ/Ngành → trách nhiệm cơ quan ở địa phương



- Mục tiêu 1. Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi
- Mục tiêu 2. Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững
- Mục tiêu 3. Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi
- Mục tiêu 4. Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người
- Mục tiêu 5. Đạt được bình đẳng giới; tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái
- Mục tiêu 6. Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người



- Mục tiêu 7. Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người
- Mục tiêu 8. Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người
- Mục tiêu 9. Xây dựng cơ sở hạ tầng có khả năng chống chịu cao, thúc đẩy công nghiệp hóa bao trùm và bền vững, tăng cường đổi mới
- Mục tiêu 10. Giảm bất bình đẳng trong xã hội
- Mục tiêu 11. Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng
- Mục tiêu 12. Đảm bảo sản xuất và tiêu dùng bền vững



- Mục tiêu 13. Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai
- Mục tiêu 14. Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và nguồn lợi biển để phát triển bền vững
- Mục tiêu 15. Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất
- Mục tiêu 16. Thúc đẩy xã hội hòa bình, dân chủ, công bằng, bình đẳng, văn minh vì sự phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp
- Mục tiêu 17. Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững

Liên kết các chỉ số với SDGs

- Xác định các SDGs liên quan tới Chỉ số
- Xác định các mục tiêu/chỉ tiêu cụ thể của SDGs liên quan đến chỉ số (được quy định ở QĐ 622; QĐ 841; VB của địa phương)
 - ➔ Liên kết các chỉ số với các mục tiêu, chỉ tiêu

Liên kết các chỉ số với SDGs

- **Chỉ số 3.11: Không nghèo khó** (Chỉ số 11 – 3.Phát triển xã hội toàn diện): thực hiện các **SDG 1, 2, 10**





SDG 1: End poverty in all its forms everywhere

TARGET 1-1

ERADICATE EXTREME POVERTY

TARGET 1-2

REDUCE POVERTY BY AT LEAST 50%

TARGET 1-3

IMPLEMENT SOCIAL PROTECTION SYSTEMS

TARGET 1-4

EQUAL RIGHTS TO OWNERSHIP, BASIC SERVICES, TECHNOLOGY AND ECONOMIC RESOURCES

TARGET 1-5

BUILD RESILIENCE TO ENVIRONMENTAL, ECONOMIC AND SOCIAL DISASTERS



SDG 1: Chấm dứt mọi hình thức đói nghèo ở mọi nơi

- **1.1:** Đến 2020 xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực. Đến 2030 giảm ít nhất một nửa tỉ lệ nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều của quốc gia
- **1.2:** triển khai các biện pháp an sinh xã hội...
- **1.3:** đến 2030 đảm bảo mọi người có quyền bình đẳng đối với các nguồn lực kinh tế, tiếp cận DV cơ bản, quyền sử dụng đất đai, CNTT, dịch vụ tài chính,...
- **1.4** đến 2030 tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi cho người nghèo

SDG 1 – 1.1

Mục tiêu cụ thể	2025	2030
Tỉ lệ nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều của quốc gia	Giảm 1-1,5%/năm	Giảm 1-1,5%/năm
	Không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia	

SDG 1 – 1.2

Mục tiêu cụ thể	2025	2030
- Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH	45%	60%
- Tham gia BHYT	35%	45%
- Được hỗ trợ xã hội hàng tháng	3,5 % dân số	4% dân số
- Được hỗ trợ xã hội đột xuất	100% người cần trợ giúp khẩn cấp	100% người cần trợ giúp khẩn cấp



SDG 2: End hunger, achieve food security and improved nutrition and promote sustainable agriculture

TARGET 2-1

UNIVERSAL ACCESS TO SAFE AND NUTRITIOUS FOOD

TARGET 2-2

END ALL FORMS OF MALNUTRITION

TARGET 2-3

DOUBLE THE PRODUCTIVITY AND INCOMES OF SMALL-SCALE FOOD PRODUCERS

TARGET 2-4

SUSTAINABLE FOOD PRODUCTION AND RESILIENT AGRICULTURAL PRACTICES

TARGET 2-5

MAINTAIN THE GENETIC DIVERSITY IN FOOD PRODUCTION



SDG 2: Xóa đói, đảm bảo an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững

- **2.1:** Đến 2030 chấm dứt tình trạng thiếu đói, mọi người tiếp cận thực phẩm an toàn, đủ dinh dưỡng và đầy đủ quanh năm
- **2.2:** Đến 2030 giảm tất cả các hình thức suy dinh dưỡng, đáp ứng dinh dưỡng cho trẻ em, trẻ em gái VTN, phụ nữ mang thai, cho con bú, người già
- **2.3:** Đến 2030 tăng 1,5 NSLĐ nông nghiệp và thu nhập của lao động NN
- **2.4:** Đến 2030 sản xuất LTTP bền vững, áp dụng phương thức SXNN có khả năng chống chịu, tăng NS, duy trì hệ sinh thái, thích ứng BĐKH,...
- **2.5:**

SDG 2 – 2.1

Mục tiêu cụ thể	2025	2030
Tỉ lệ hộ gia đình thiếu an ninh thực phẩm mức độ nặng và vừa	< 8 %	< 5 %
	< 25 % đối với khu vực miền núi	< 20 % đối với khu vực miền núi

SDG 2 – 2.2

Mục tiêu cụ thể	2025	2030
Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng		
- Thấp còi	< 17 %	< 15%
- Gầy còm	< 5 %	< 3 %
- Thừa cân béo phì
+ Nông thôn	< 7 %	< 7 %
+ Thành thị	< 11 %	< 11 %

SDG 2 – 2.3

Mục tiêu cụ thể	2025	2030
Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn	Tăng 1,5 lần so với 2020	Tăng 2,5 đến 3 lần so với 2020
		2,5 - 3 lần so với 2020

SDG 2 – 2.4

Mục tiêu cụ thể	2025	2030
Diện tích canh tác hoa màu (lúa, rau, quả, cà phê, chè) được chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc tương đương	Duy trì mức tăng 10- 15% hàng năm	
Diện tích nuôi trồng thủy sản được chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc tương đương	Duy trì mức tăng 8 % hàng năm	

10 REDUCED INEQUALITIES



SDG 10: Reduce inequality within and among countries

TARGET 10-1



REDUCE INCOME INEQUALITIES

TARGET 10-2



PROMOTE UNIVERSAL SOCIAL, ECONOMIC AND POLITICAL INCLUSION

TARGET 10-3



ENSURE EQUAL OPPORTUNITIES AND END DISCRIMINATION

TARGET 10-4



ADOPT FISCAL AND SOCIAL POLICIES THAT PROMOTES EQUALITY

TARGET 10-5



IMPROVED REGULATION OF GLOBAL FINANCIAL MARKETS AND INSTITUTIONS

TARGET 10-6



ENHANCED REPRESENTATION FOR DEVELOPING COUNTRIES IN FINANCIAL INSTITUTIONS

TARGET 10-7



RESPONSIBLE AND WELL-MANAGED MIGRATION POLICIES

10 REDUCED INEQUALITIES



SDG 10: Reduce inequality within and among countries

- **SDG 10:** Giảm bất bình đẳng xã hội, với 6 mục tiêu cụ thể:
 - **10.1:** Đến 2030 đạt được và duy trì tốc độ tăng thu nhập của nhóm 40% dân số thu nhập thấp nhất cao hơn tốc độ tăng bình quân quốc gia
 - **10.2:** Đến 2030 đẩy mạnh sự tham gia chính trị, kinh tế xã hội của mọi người (tuổi tác, giới tính, sắc tộc, khuyết tật, dân tộc, tôn giáo,..)
 - **10.3:** Giảm bất bình đẳng
 - **10.4:** Xây dựng thực thi CS tài khóa, tiền lương, ASXH đạt bình đẳng cao hơn
 - **10.5:** Tăng cường sự đại diện và tiếng nói của quốc gia.....
 - **10.6:** Tạo thuận lợi cho việc di cư, di chuyển của người dân...

SDG 10 – 10.1

Mục tiêu cụ thể	2025	2030
Tốc độ tăng thu nhập của 40% dân số có thu nhập thấp nhất so với tốc độ tăng trưởng về thu nhập của hộ bình quân đầu người	95 %	100 %

LIÊN KẾT CHỈ SỐ 3.11 – KHÔNG NGHÈO KHÓ

Chỉ số	Mức	UN SDGs		
3.11 Không nghèo khó	Xanh	SDG 1	SDG 2	SDG 10
	Chính quyền địa phương có sự phân tích về nghèo đói	Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi	Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững	Giảm bất bình đẳng xã hội
	Vàng	Các chỉ tiêu phát triển bền vững		
	Chính quyền địa phương có mối liên hệ với các dự án từ các cấp chính quyền khác ...	1.1 đến năm 2030, giảm ít nhất một nửa tỷ lệ nghèo...	2.1 Đến năm 2030, chấm dứt tình trạng thiếu đói...	10.1 tốc độ tăng thu nhập của nhóm 40% dân số thu nhập thấp nhất cao hơn tốc độ tăng bình quân quốc gia
		1.2 Triển khai các biện pháp an sinh xã hội..		
Đỏ	1.3 Đến 2030 tiếp cận bình đẳng các nguồn lực...	1.4 Đến 2030 tăng cường khả năng chống chịu cho người nghèo		
Chính quyền địa phương không có ...				

3. Phương pháp tự đánh giá



Mục đích của phương pháp tự đánh giá

Hướng dẫn việc thực hiện tự đánh giá và báo cáo kết quả tự đánh giá của chính quyền địa phương theo công cụ tự đánh giá trong TCVN ISO 18091:2020.

2.1. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng do chính quyền địa phương thành lập để thực hiện hoạt động tự đánh giá mức độ thực hiện hệ thống quản lý chất lượng tổng thể của địa phương theo 39 chỉ số nêu trong TCVN ISO 18091:2020 (sau đây viết tắt là Hội đồng).

2.2. Tiêu chí/Chỉ số đánh giá

39 chỉ số được quy định trong TCVN ISO 18091:2020 và các chỉ số phụ được phát triển để đánh giá kết quả thực hiện 39 chỉ số quy định trong tiêu chuẩn.

2.3. Mức độ thực hiện từng chỉ số

Sự phản ánh kết quả thực hiện từng chỉ số thành các mức Bạch kim, Xanh, Vàng, Đỏ theo quy định trong TCVN ISO 18091:2020, trong đó:

Bạch kim: Mức thực hành tốt nhất.

Xanh: Mức thực hành có thể chấp nhận được.

Vàng: Dưới mức thực hành có thể chấp nhận được.

Đỏ: Mức thực hành không thể chấp nhận được.

2.4. Điểm thành phần (thực hiện chỉ số) (đi): Điểm số do một thành viên của Hội đồng đánh giá chấm cho việc thực hiện một chỉ số theo dải điểm được quy định cho mức thực hiện chỉ số đó.

2.5. Điểm thực hiện chỉ số (Đi): Điểm trung bình các điểm thành phần chấm cho một chỉ số.

2.6. Điểm thực hiện theo nhóm chủ đề (ti): Tổng điểm thực hiện các chỉ số trong cùng nhóm chủ đề. Các nhóm chủ đề được quy định trong TCVN ISO 18091 bao gồm:

- Xây dựng thể chế điều hành tốt.
- Phát triển kinh tế bền vững.
- Phát triển xã hội toàn diện.
- Phát triển môi trường bền vững.

2.7. Điểm tổng hợp (T)

Tổng số điểm thực hiện 39 chỉ số của một địa phương.

2.8. Mức độ thực hiện theo chủ đề (Ri)

Tỉ lệ phần trăm điểm thực hiện theo chủ đề so với tổng số điểm tối đa của chủ đề đó.

2.9. Mức độ thực hiện tổng hợp (R)

Tỉ lệ phần trăm điểm thực hiện 39 chỉ số (điểm tổng hợp) so với tổng số điểm thực hiện tối đa của 39 chỉ số.

3.1. Thành phần Hội đồng

- Hội đồng tự đánh giá việc thực hiện 39 chỉ số của TCVN ISO 18091:2020 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành lập.
- Số lượng các Ủy viên Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định nhưng phải bảo đảm có sự tham gia đầy đủ đại diện của các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Khi thấy cần thiết để giúp việc cho Hội đồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định thành lập Tổ đánh giá để đánh giá sơ bộ, phục vụ hoạt động tự đánh giá của Hội đồng.

3.2. Hoạt động của Hội đồng

a) Hội đồng được thành lập cho từng đợt đánh giá của chính quyền địa phương và tự giải thể sau khi hoàn thành việc tự đánh giá ([mẫu Quyết định](#)).

b) Hội đồng làm việc theo cách thức thảo luận tập trung để xác định mức độ thực hiện của từng chỉ số là Bạch kim, Xanh, Vàng hay Đỏ theo hướng dẫn ở Phụ lục A, TCVN ISO 18091:2020.

Trường hợp Ủy ban nhân dân có thành lập Tổ đánh giá thì Hội đồng thảo luận dựa trên thông tin đánh giá sơ bộ do Tổ đánh giá cung cấp.

3.2. Hoạt động của Hội đồng

c) Việc chấm điểm thực hiện các chỉ số được các thành viên Hội đồng thực hiện độc lập sau đó được tổng hợp thành điểm đánh giá chung theo phương pháp tự đánh giá, chấm điểm quy định.

d) Trước khi Hội đồng, Tổ đánh giá (nếu có) thực hiện tự đánh giá, Ủy ban nhân dân lập kế hoạch và phân công đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm chuẩn bị tài liệu, hồ sơ minh chứng kết quả thực hiện các chỉ số.

Áp dụng: Kế hoạch tự đánh giá – Mẫu số 01.

4.1. Xác định mức độ thực hiện từng chỉ số

- a) Hội đồng, Tổ đánh giá (nếu có) tiến hành xem xét, thảo luận và đánh giá mức độ thực hiện từng chỉ số để xác định lần lượt mức độ thực hiện từng chỉ số là Bạch kim, Xanh, Vàng, Đỏ.
- b) Các đơn vị có liên quan được phân công theo Kế hoạch tự đánh giá báo cáo tóm tắt trước Hội đồng, Tổ đánh giá (nếu có) về kết quả thực hiện từng chỉ số và dữ liệu minh chứng.
- c) Hội đồng dựa trên thông tin báo cáo, dữ liệu minh chứng, thảo luận để xác định mức độ thực hiện từng chỉ số.
- d) Chủ tịch Hội đồng là người ra quyết định cuối cùng về mức độ thực hiện từng chỉ số.

4.2.1. Quy định mức điểm

- a) Điểm tối đa cho từng chỉ số là 100 điểm.
- b) Tổng điểm tối đa thực hiện 39 chỉ số là 3.900 điểm.
- c) Phân chia điểm theo mức độ thực hiện từng chỉ số:
 - + Bạch kim: 100 điểm.
 - + Xanh: từ hơn 60 đến 90 điểm.
 - + Vàng: từ hơn 30 đến 60 điểm.
 - + Đỏ: từ 0 đến 30 điểm.

4.2.2. Chấm điểm thực hiện

a) Điểm thành phần của thành viên Hội đồng (đi)

- Thành viên Hội đồng căn cứ vào mức độ thực hiện của từng chỉ số đã được Hội đồng xác định, thực hiện việc chấm điểm mức độ thực hiện từng chỉ số theo dải điểm cho từng mức theo quy định.

- Mức điểm cho việc thực hiện từng chỉ số được đánh giá theo mức độ thực hiện các chỉ số phụ của chỉ số đó theo hướng dẫn chấm điểm chi tiết được nêu trong [Phụ lục 2](#).

- Thành viên Hội đồng ghi nhận kết quả điểm của mình cho từng chỉ số vào Phiếu điểm thành phần.

Áp dụng: Phiếu điểm thành phần – [Mẫu số 02](#).

4.4. Báo cáo kết quả tự đánh giá

4.4.1. Kết quả thực hiện các chỉ số được biểu diễn bằng biểu đồ mạng nhện, thể hiện mức độ thực hiện từng chỉ số theo các mức Bạch kim, Xanh, Vàng, Đỏ như ví dụ minh họa trong hình dưới

4.4.2. Báo cáo điểm thực hiện các chỉ số và điểm tổng hợp, mức độ thực hiện theo nhóm chủ đề và mức độ thực hiện tổng thể.

Áp dụng: Báo cáo kết quả tự đánh giá - [Mẫu số 04](#).

Giới thiệu chi tiết về 39 chỉ số tự đánh giá theo TCVN ISO 18091:2020



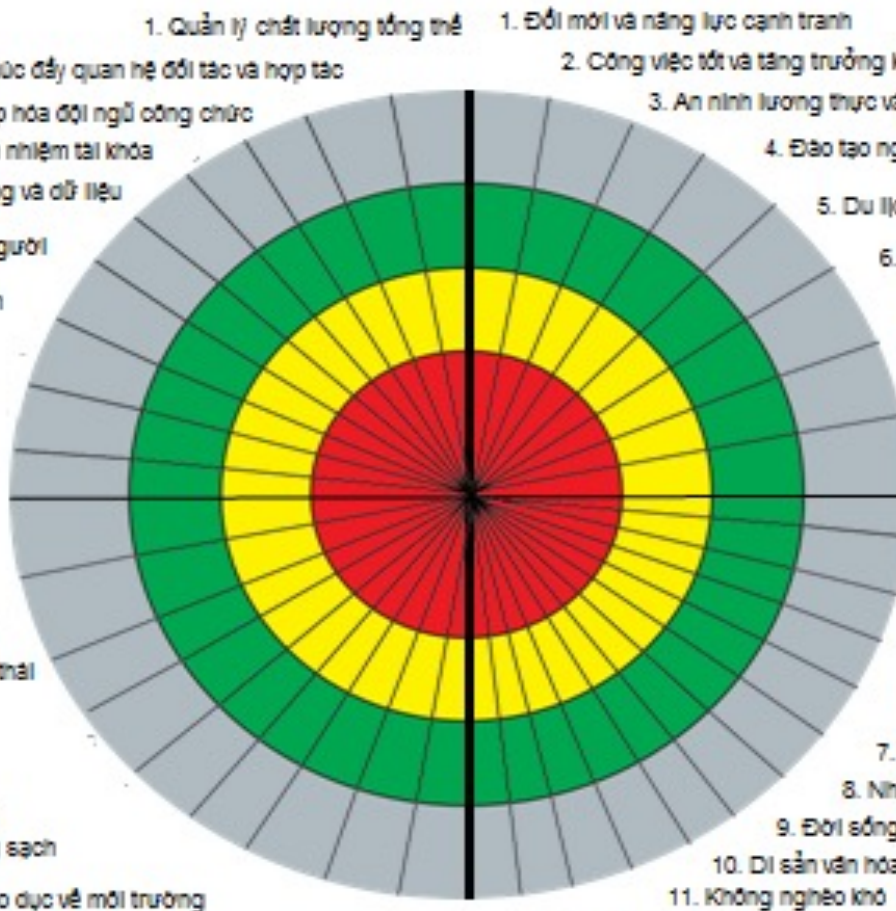
Phụ lục A - TCVN ISO 18091:2020 đưa ra hệ thống bao gồm khung tự đánh giá dựa trên 39 chỉ số quản lý chính sách công được chia thành bốn nhóm chủ đề chính:

- a) Xây dựng thể chế điều hành tốt (10 chỉ số);
- b) Phát triển kinh tế bền vững (08 chỉ số);
- c) Phát triển xã hội toàn diện (12 chỉ số);
- d) Phát triển môi trường bền vững (09 chỉ số).

1. Xây dựng thể chế điều hành tốt

1. Quản lý chất lượng tổng thể
2. Thúc đẩy quan hệ đối tác và hợp tác
3. Chuyên nghiệp hóa đội ngũ công chức
4. Tài chính công và trách nhiệm tài khóa
5. Quản lý công nghệ thông tin truyền thông và dữ liệu
6. Quy tắc pháp luật và quyền con người
7. Tính minh bạch và trao đổi thông tin
8. Sự tham gia của công dân
9. Khả năng thích ứng và bảo vệ công dân
10. An ninh công cộng
1. Chất lượng không khí
2. Chất thải rắn
3. Cảnh quan và sự thu hút
4. Tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và hệ sinh thái
5. Hoạch định và phát triển đô thị
6. Nước sạch, vệ sinh và nước thải
7. Bảo vệ đất
8. Năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch
9. Hành động ứng phó biến đổi khí hậu và giáo dục về môi trường

4. Phát triển môi trường bền vững



1. Đổi mới và năng lực cạnh tranh
2. Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế
3. An ninh lương thực và không có người đói
4. Đào tạo nghề
5. Du lịch
6. Di chuyển
7. Lĩnh vực căn bản
8. Công nghiệp, thương mại và tiêu dùng
1. Dịch vụ công
2. Thể thao, vui chơi và giải trí
3. Nhập cư và hòa nhập dân tộc xã hội
4. Bình đẳng giới
5. Dân cư dễ bị tổn thương và người khuyết tật
6. Sức khỏe và đời sống tốt
7. Chất lượng giáo dục
8. Nhà ở đáng hoàng
9. Đời sống thanh bình và văn hóa công dân
10. Di sản văn hóa
11. Không nghèo khổ
12. Trẻ em, thanh thiếu niên và người già

2. Phát triển kinh tế bền vững

3. Phát triển xã hội toàn diện

Hệ thống bao gồm khung tự đánh giá dựa trên 39 chỉ số quản lý chính sách công, đây là:

- Các chỉ số cơ bản thuộc các quá trình tác nghiệp liên quan đến dịch vụ lõi của chính quyền (hình B.1 các quá trình QLCL tổng thể).
- Chỉ số về các sản phẩm và dịch vụ điển hình thường được chính quyền địa phương cung cấp, cũng như tiêu chí để đo lường.
- Mỗi chỉ số có thể được thể hiện bằng nhiều chỉ số phụ, chỉ số con phù hợp với các nhu cầu và đặc trưng địa phương, khu vực và quốc gia.
- Tự đánh giá để lãnh đạo cao nhất nhận biết một cách có trách nhiệm và tự nguyện mức độ thực hiện mỗi chỉ số liên quan và xác định kế hoạch hành động để củng cố điểm yếu trong các hoạt động của chính quyền địa phương

1. XÂY DỰNG THỂ CHẾ ĐIỀU HÀNH TỐT

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
1. Quản lý chất lượng tổng thể	Chính quyền chú trọng vào phát triển bền vững và khả năng thích ứng với hệ thống quản lý chất lượng tổng thể	Hoạt động của chính quyền địa phương không được hoạch định và lập ngân sách. Không tập trung vào phát triển bền vững và khả năng thích ứng. Hoạt động không được kiểm soát và đánh giá thông qua một hệ thống quản lý chất lượng toàn diện.	Hoạt động của chính quyền địa phương được hoạch định và tập trung vào phát triển bền vững, được kiểm soát và đánh giá thông qua hệ thống quản lý với một số quá trình hoặc phòng ban cụ thể.	Chính quyền địa phương có hệ thống quản lý chất lượng tổng thể tập trung vào phát triển bền vững và khả năng thích ứng.
2. Thúc đẩy quan hệ đối tác và hợp tác	Thúc đẩy quan hệ đối tác và hợp tác của chính quyền địa phương với các bên quan tâm có liên quan	Chính quyền địa phương không có sự hợp tác ở cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế. Có mối liên hệ, chính sách và hoạt động được phát triển với một số cấp chính quyền, chính quyền địa phương, hoặc các thực thể công, xã hội và tư nhân.	Chính quyền địa phương có một số hoạt động hợp tác ở cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế. Có mối liên hệ, chính sách và các hoạt động được phát triển với các cấp chính quyền khác, chính quyền địa phương, hoặc các thực thể công, xã hội và tư nhân.	Chính quyền địa phương có chiến lược thúc đẩy cộng tác và hợp tác ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế. Chiến lược này gắn với việc hoạch định của chính quyền địa phương. Các mối liên hệ, chính sách và hoạt động được phát triển với các chính quyền khác, hoặc các thực thể công, xã hội và tư nhân.

1. XÂY DỰNG THỂ CHẾ ĐIỀU HÀNH TỐT

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
3. Chuyên nghiệp hóa đội ngũ công chức	Năng lực, nhận thức và việc duy trì liên tục của công chức	Chính quyền địa phương có một số hoạt động đào tạo cho công chức, nhưng không có mô tả công việc hoặc phân tích nhu cầu đào tạo.	Chính quyền địa phương có một số quy trình chuyên môn hóa và việc đào tạo công chức. Có mô tả công việc và phân tích nhưng chúng chưa phù hợp.	Chính quyền địa phương có nhân sự có năng lực và tận tụy. Có phân tích thỏa đáng về nhu cầu đào tạo và chính sách rõ ràng để khuyến khích liên tục, tính chuyên nghiệp và việc đào tạo công chức. Có các quy định về mô tả công việc đầy đủ, điều kiện làm việc tốt và bằng chứng về việc thực hiện.
4. Tài chính công và trách nhiệm tài chính	Trách nhiệm tài chính và việc quản lý tài chính lành mạnh	Chính quyền địa phương phụ thuộc vào việc chuyển khoản từ cấp chính quyền khác để cấp kinh phí cho các hoạt động của mình. Có sự đánh thuế tài sản với hệ thống đăng ký đất. Tuy nhiên, nội dung sau chưa thích hợp. Chính quyền địa phương không có kiểm soát đầy đủ về nợ công của mình.	Chính quyền địa phương có hệ thống thu thuế hiệu lực và hệ thống nguồn thu nhập riêng. Có đánh thuế tài sản với hệ thống đăng ký đất và sự cân bằng tài chính qua xem xét quản lý nợ công.	Chính quyền địa phương có quyền tự trị chấp nhận được. Nó không phụ thuộc hoàn toàn vào việc chuyển khoản từ cấp chính quyền khác để cấp kinh phí cho các hoạt động của mình. Có hệ thống thu thuế hiệu lực và hệ thống nguồn thu nhập riêng. Có đánh thuế tài sản với hệ thống đăng ký đất cập nhật và sự cân bằng tài chính qua xem xét quản lý nợ công.

1. XÂY DỰNG THỂ CHẾ ĐIỀU HÀNH TỐT

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
5. Quản lý công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) và dữ liệu	Sử dụng có hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) và quản lý dữ liệu đối với chính quyền điện tử	Chính quyền địa phương sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho các quá trình nội bộ. Tuy nhiên, ICT không được sử dụng cho truyền thông hai chiều với công dân hoặc trong việc cung cấp dịch vụ.	Chính quyền địa phương sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho các quá trình nội bộ, truyền thông hai chiều với công dân và trong việc cung cấp dịch vụ. Có chiến lược và chính sách đối với ICT và quản lý dữ liệu.	Chính quyền địa phương sử dụng một cách hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông cập nhật cho các quá trình nội bộ, truyền thông hai chiều với công dân và trong việc cung cấp dịch vụ. Có chiến lược và chính sách được hoạch định và thực hiện đối với ICT và quản lý dữ liệu.
6. Quy tắc pháp luật và quyền con người	Quy tắc pháp luật và quyền con người phổ biến trong lãnh thổ của chính quyền	Chính quyền địa phương có các thể chế với hệ thống pháp luật hiện hành, nhưng không được cập nhật để thúc đẩy quy tắc pháp luật. Chính quyền chưa xem xét quyền con người.	Chính quyền địa phương có các thể chế với hệ thống pháp luật hiện hành để đảm bảo quy tắc pháp luật và quyền con người theo cách thích hợp và tiếp cận được.	Chính quyền địa phương có các thể chế với hệ thống pháp luật hiện hành và được cập nhật để đảm bảo quy tắc pháp luật và quyền con người theo cách hiệu quả, thích hợp và tiếp cận được.

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
7. Tính minh bạch và trao đổi thông tin	Tính minh bạch, trao đổi thông tin, trách nhiệm giải trình và khả năng tiếp cận thông tin đối với chính quyền mở	Chính quyền địa phương thực hiện các hành động nhất định để đảm bảo tính minh bạch, nhưng không cho phép trách nhiệm giải trình có hiệu lực. Khách hàng/công dân không có khả năng tiếp cận với các tài liệu, báo cáo và các chi tiết về cơ cấu tổ chức, ngân sách của các chương trình và cách thức chi tiêu.	Chính quyền địa phương thực hiện các hành động nhất định để đảm bảo tính minh bạch, công bằng, tin cậy và liêm chính để cho phép và khuyến khích trách nhiệm giải trình có hiệu lực. Khách hàng/công dân có khả năng tiếp cận hạn chế với các tài liệu, báo cáo và các chi tiết về cơ cấu tổ chức, ngân sách của các chương trình và cách thức chi tiêu.	Chính quyền địa phương có một hệ thống minh bạch đảm bảo đầy đủ công bằng, tin cậy và liêm chính để cho phép và khuyến khích trách nhiệm giải trình có hiệu lực. Khách hàng/công dân có khả năng tiếp cận với các tài liệu, báo cáo và các chi tiết về cơ cấu tổ chức, ngân sách của các chương trình và cách thức chi tiêu.
8. Sự tham gia của công dân	Văn hoá dân chủ và sự tham gia của dân chúng vào chính sách công và các chương trình chung	Chính quyền địa phương không có các quy trình khuyến khích sự tham gia của công dân và văn hoá dân chủ.	Chính quyền địa phương có một số quy trình khuyến khích sự tham gia của công dân và văn hoá dân chủ. Chúng bao gồm sự tham gia của công dân vào một số chính sách công và chương trình chung và một số hoạt động khuyến khích văn hoá dân chủ.	Chính quyền địa phương có một hệ thống khuyến khích sự tham gia của công dân và văn hoá dân chủ. Có các quy trình bao gồm sự tham gia của công dân vào việc thiết kế, thực hiện, theo dõi, kiểm soát và đánh giá các chính sách công và chương trình chung, cũng như khuyến khích văn hoá dân chủ.

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
9. Khả năng thích ứng và bảo vệ công dân	Khả năng thích ứng, bảo vệ công dân và dịch vụ khẩn cấp	Chính quyền địa phương có một số quy trình bảo vệ công dân để giúp đỡ dân cư trong trường hợp khẩn cấp. Tuy nhiên, chính quyền không có các hành động phòng ngừa.	Chính quyền địa phương có kế hoạch bảo vệ công dân và các quy trình để phòng ngừa và giúp đỡ dân cư trong trường hợp khẩn cấp. Chính quyền có biểu đồ rủi ro, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp và định kỳ tiến hành các hoạt động kiểm tra và phòng ngừa. Tuy nhiên, chính quyền không có chiến lược khôi phục sau ảnh hưởng của hiểm họa.	Chính quyền địa phương có kế hoạch bảo vệ công dân và các quy trình để phòng ngừa và giúp đỡ dân cư trong trường hợp khẩn cấp. Chính quyền có biểu đồ rủi ro, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khẩn cấp và định kỳ tiến hành các hoạt động kiểm tra và phòng ngừa. Chính quyền có chiến lược khôi phục sau ảnh hưởng của hiểm họa.
10. An ninh công cộng	An toàn và an ninh công cộng	Chính quyền địa phương có sự phối hợp về thể chế với các cấp chính quyền khác và các hành động chống lại sự phạm pháp và tội phạm. Chính quyền có các quy trình và đào tạo. Tuy nhiên, không có các hành động phòng ngừa và nhân viên của chính quyền không có hoặc không đủ trang thiết bị.	Chính quyền địa phương có sự phối hợp về thể chế với các cấp chính quyền khác và chiến lược phòng ngừa bạo lực, phạm pháp và tội phạm. Có thiết bị, quy trình và đào tạo.	Chính quyền địa phương có sự phối hợp về thể chế hiệu quả với các cấp chính quyền khác và một chiến lược toàn diện phòng ngừa bạo lực, phạm pháp và tội phạm. Có thiết bị, quy trình, đào tạo và công dân cảm thấy an toàn trong lãnh thổ của chính quyền địa phương.

2. PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
1. Đổi mới và năng lực cạnh tranh	Các lựa chọn đổi mới kinh tế	Chính quyền địa phương thực hiện các hành động riêng lẻ để đổi mới hoạt động kinh tế. Tuy nhiên, chính quyền không nhận biết được cơ sở kinh tế của mình.	Chính quyền địa phương đã nhận biết được cơ sở kinh tế của mình và thực hiện các hành động riêng lẻ để đổi mới hoạt động kinh tế.	Chính quyền địa phương đã nhận biết được cơ sở kinh tế của mình và khuyến khích đổi mới kinh tế thông qua các chương trình tập trung vào phát triển các lựa chọn đổi mới kinh tế.
2. Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế	Cơ hội công việc tốt và tăng trưởng kinh tế	Chính quyền địa phương có các hoạt động để khuyến khích công việc trong lĩnh vực công và tư nhân. Tuy nhiên, chính quyền chưa có các dự án đào tạo hoặc các hoạt động để tạo ra hoạt động kinh doanh mới.	Chính quyền địa phương có các hoạt động để khuyến khích công việc tốt trong lĩnh vực công và tư nhân. Các hoạt động này bao gồm việc tạo ra hoạt động kinh doanh mới và các dự án đào tạo.	Chính quyền địa phương có chiến lược để tạo ra và khuyến khích công việc tốt trong lĩnh vực công và tư nhân. Chiến lược bao gồm chính sách toàn diện để tạo ra hoạt động kinh doanh mới, cơ hội cung cấp và nhận được công việc tốt và các dự án đào tạo cho tăng trưởng kinh tế.

2. PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
3. An ninh lương thực và không có người đói	An ninh lương thực và không có người đói	Chính quyền địa phương khuyến khích việc cung cấp và tiếp cận tự nhiên đối với thực phẩm cho khách hàng/công dân của mình. Chính quyền chưa có sự giám sát thường xuyên đối với các vấn đề về an ninh lương thực.	Chính quyền địa phương khuyến khích việc cung cấp, tiếp cận tự nhiên và thực phẩm không độc hại cho khách hàng/công dân của mình. Chính quyền có sự giám sát thường xuyên và hiệu quả các vấn đề về an ninh lương thực.	Chính quyền địa phương khuyến khích việc cung cấp đầy đủ, tiếp cận tự nhiên và thực phẩm không độc hại và bổ dưỡng cho khách hàng/công dân. Chính quyền có sự giám sát tin cậy, hệ thống và hồ sơ đầy đủ về các vấn đề về an ninh lương thực.
4. Đào tạo nghề	Đào tạo nghề nghiệp và kỹ thuật, giáo dục thường xuyên và năng lực sống	Chính quyền địa phương không có phân tích về thị trường lao động và nhu cầu của thị trường đối với đào tạo nghề nghiệp và kỹ thuật để có công việc tốt tại địa phương, cũng không tiếp cận việc này. Cũng không khuyến khích các hành động phù hợp với bối cảnh địa phương.	Chính quyền địa phương có phân tích chính xác về thị trường lao động và nhu cầu của thị trường đối với đào tạo nghề nghiệp và kỹ thuật để có công việc tốt tại địa phương và tiếp cận việc này. Chính quyền có các chương trình khuyến khích, nhưng chưa đủ hoặc chưa thích hợp với các phân tích.	Chính quyền địa phương có phân tích chính xác về thị trường lao động và nhu cầu của thị trường đối với đào tạo nghề nghiệp và kỹ thuật để có công việc tốt tại địa phương và tiếp cận việc này, bao gồm các chương trình đào tạo về đời sống và tinh thần kinh doanh. Có đủ các chương trình khuyến khích thích hợp với các phân tích.

2. PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
5. Du lịch	Thúc đẩy du lịch	Chính quyền địa phương có kế hoạch với các chương trình tập trung vào phát triển du lịch nhưng chưa thích hợp với bối cảnh địa phương.	Chính quyền địa phương có kế hoạch với các chương trình tập trung vào phát triển du lịch, nhưng chưa có khía cạnh bền vững. Chính quyền có xem xét di sản văn hoá và thúc đẩy sản phẩm và việc làm địa phương. Tuy nhiên, chưa phân tích về tiềm năng du lịch tại vùng lãnh thổ của mình.	Chính quyền địa phương có phân tích về tiềm năng du lịch tại vùng lãnh thổ của mình. Chính quyền có kế hoạch với khía cạnh du lịch bền vững, xem xét di sản văn hoá và thúc đẩy sản phẩm và việc làm địa phương.
6. Di chuyển	Di chuyển bền vững và an toàn, các tuyến đường kết nối và liên kết	Trong vùng lãnh thổ của chính quyền địa phương, chưa có đủ dịch vụ vận chuyển. Hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng vận chuyển chưa đầy đủ.	Trong vùng lãnh thổ của chính quyền địa phương, có đủ dịch vụ vận chuyển. Hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng vận chuyển đủ về mặt năng lực, nhưng chưa có chất lượng, không hấp dẫn hoặc không bảo vệ môi trường.	Chính quyền địa phương đảm bảo cung cấp dịch vụ vận chuyển an toàn, tiện lợi, toàn diện, tin cậy, hiệu quả, dễ tiếp cận, chi phí hợp lý và thích hợp cho các lứa tuổi khác nhau và các nhóm có nhu cầu đặc biệt. Chính quyền duy trì hệ thống giao thông tin cậy, nâng cao khả năng kết nối, khuyến khích giao thông không động cơ, tạo thuận lợi cho vận chuyển hàng hoá. Có cơ sở hạ tầng đầy đủ và chấp nhận được về năng lực, chất lượng, hấp dẫn và đóng góp cho môi trường bền vững và khả năng thích ứng.

2. PHÁT TRIỂN KINH TẾ BỀN VỮNG

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
7. Lĩnh vực căn bản	Khuyến khích phát triển các ngành kinh tế căn bản bền vững (nông thôn/đô thị: rừng, vật nuôi, nông nghiệp và các lĩnh vực khác)	Chính quyền địa phương có một số hoạt động đối với lĩnh vực kinh tế căn bản nhưng không có sự phân tích về sản phẩm, nhà sản xuất và tiềm năng địa phương trong lĩnh vực đó.	Chính quyền địa phương có sự phân tích một phần về nhà sản xuất, sản phẩm và tiềm năng địa phương với điều này. Có các hoạt động riêng lẻ nhưng không có chiến lược để phát triển bền vững lĩnh vực kinh tế căn bản.	Chính quyền địa phương có sự phân tích về nhà sản xuất, sản phẩm và tiềm năng địa phương trong lĩnh vực căn bản. Có các chiến lược và chương trình để phát triển bền vững lĩnh vực kinh tế căn bản.
8. Công nghiệp, thương mại và tiêu dùng	Khuyến khích phát triển bền vững các lĩnh vực kinh tế thứ hai và thứ ba và các lĩnh vực khác (công nghiệp, thương mại, dịch vụ ...) cũng như tiêu dùng.	Chính quyền địa phương có một số hoạt động liên quan đến công nghiệp, thương mại, dịch vụ và các lĩnh vực khác, nhưng không có phân tích về công nghiệp, nhà sản xuất, sản phẩm, dịch vụ và tiềm năng địa phương.	Chính quyền địa phương có sự phân tích một phần về công nghiệp, nhà sản xuất, sản phẩm, dịch vụ và tiềm năng địa phương. Có các hoạt động riêng lẻ nhưng chưa có chiến lược phát triển bền vững liên quan đến công nghiệp, thương mại, dịch vụ và các lĩnh vực khác.	Chính quyền địa phương có sự phân tích nhận biết công nghiệp, nhà sản xuất, sản phẩm, dịch vụ và tiềm năng địa phương. Có các chương trình, chiến lược và một bộ phận chịu trách nhiệm về phát triển bền vững liên quan đến công nghiệp, thương mại, dịch vụ và các lĩnh vực khác.

3. PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TOÀN DIỆN

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
1. Dịch vụ công	Dịch vụ công chất lượng	Chính quyền địa phương có sự bao quát các dịch vụ công cơ bản trong hầu hết cộng đồng và hộ dân tại vùng lãnh thổ của mình, nhưng các dịch vụ này chưa đầy đủ.	Chính quyền địa phương có sự bao quát các dịch vụ công cơ bản trong hầu hết cộng đồng và hộ dân tại vùng lãnh thổ của mình. Dịch vụ được cung cấp một cách hệ thống và thường xuyên nhưng chi phí chưa hợp lý và chưa chất lượng.	Chính quyền địa phương có sự bao quát các dịch vụ công cơ bản trong hầu hết cộng đồng và hộ dân tại vùng lãnh thổ của mình. Dịch vụ được cung cấp một cách có trách nhiệm, hệ thống, thường xuyên, có chất lượng và chi phí hợp lý.
2. Thể thao, vui chơi và giải trí	Thể thao, vui chơi và giải trí	Chính quyền địa phương thực hiện các hoạt động riêng lẻ để khuyến khích thể thao và giải trí tại một số giai đoạn phát triển con người. Có cơ sở hạ tầng cho giải trí và thể thao, nhưng không trong điều kiện tốt.	Chính quyền địa phương thực hiện các chương trình để khuyến khích thể thao và giải trí tại một số giai đoạn phát triển con người. Có cơ sở hạ tầng cho giải trí và thể thao, nhưng không trong điều kiện tốt.	Chính quyền địa phương thực hiện các chương trình để khuyến khích thể thao và giải trí ở từng giai đoạn phát triển con người. Có cơ sở hạ tầng giải trí và thể thao và được duy trì một cách hệ thống.

3. PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TOÀN DIỆN

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
3. Nhập cư và hoà nhập xã hội dân tộc	Nhập cư và thúc đẩy hoà nhập xã hội và dân tộc	Chính quyền địa phương không có các hoạt động bảo vệ người nhập cư và khuyến khích không phân biệt đối xử, quyền và các cơ hội bình đẳng.	Chính quyền địa phương có một số hoạt động để bảo vệ người nhập cư, chống phân biệt đối xử và khuyến khích quyền và cơ hội bình đẳng cho mọi người để sống với chân giá trị. Trong một số trường hợp, chính quyền địa phương tổ chức các diễn đàn tư vấn và triển khai các hoạt động bao gồm công dân của tất cả các nhóm dân tộc và xã hội.	Chính quyền địa phương có các chương trình để bảo vệ người nhập cư, chống phân biệt đối xử và khuyến khích quyền và cơ hội bình đẳng đối với mọi người để sống với chân giá trị. Có không gian cố định là nơi công dân của tất cả các nhóm dân tộc và xã hội có thể tham gia hội họp và thảo luận công việc của chính quyền địa phương.
4. Bình đẳng giới	Khuyến khích bình đẳng giới	Chính quyền địa phương không có chính sách về bình đẳng giới và trao quyền cho con gái và phụ nữ.	Chính quyền địa phương có chính sách và các hoạt động khuyến khích bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả con gái và phụ nữ.	Chính quyền địa phương có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình, chính sách và các hoạt động khuyến khích bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả con gái và phụ nữ.

3. PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TOÀN DIỆN

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
5. Dân cư dễ bị tổn thương/yếu thể và người khuyết tật	Người khuyết tật, dân cư chịu rủi ro và dễ bị tổn thương/yếu thể	Chính quyền địa phương có các hoạt động riêng lẻ để cung cấp dịch vụ cho nhóm xã hội thiệt thòi, nhưng không có cơ quan chịu trách nhiệm để theo dõi việc này.	Chính quyền địa phương có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình cung cấp sự chăm sóc đặc biệt và các dịch vụ cho nhóm xã hội thiệt thòi, nhưng không có sự phân tích về người khuyết tật, người chịu rủi ro và cư dân dễ bị tổn thương/yếu thể.	Chính quyền địa phương có sự phân tích về người khuyết tật, người chịu rủi ro và cư dân dễ bị tổn thương/yếu thể. Có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình cung cấp sự chăm sóc đặc biệt và các dịch vụ cho nhóm xã hội thiệt thòi.
6. Sức khỏe và đời sống tốt	Thúc đẩy sức khỏe và đời sống tốt	Chính quyền địa phương có một số hoạt động liên quan đến sức khỏe cộng đồng. Không có đủ sự tiếp cận đối với dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu, vắc-xin và thuốc cơ bản.	Chính quyền địa phương có sự phân tích và các chương trình về sức khỏe cộng đồng. Có sự tiếp cận đối với dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu và sự tiếp cận đối với thuốc và vắc-xin thiết yếu.	Chính quyền địa phương thúc đẩy quyền về sức khỏe. Có sự phân tích và các chương trình phòng ngừa và chăm sóc sức khỏe cộng đồng với một ban sức khỏe địa phương tích cực. Có sự tiếp cận đối với dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng thiết yếu và tiếp cận với thuốc và vắc-xin an toàn, hiệu quả, chất lượng tốt và chi phí hợp lý với mọi người.

3. PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TOÀN DIỆN

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
7. Chất lượng giáo dục	Thúc đẩy giáo dục cơ bản có chất lượng	Chính quyền địa phương có các trường giáo dục cơ bản trong vùng lãnh thổ của mình, tuy nhiên chúng không đủ để đáp ứng nhu cầu của cư dân.	Chính quyền địa phương có đủ trường học đáp ứng nhu cầu về giáo dục cơ bản của cư dân.	Chính quyền địa phương thúc đẩy giáo dục cơ bản chất lượng và toàn diện. Chính quyền đảm bảo đầu tư vào cơ sở hạ tầng cơ bản và cải tiến chất lượng giáo dục. Có đủ trường học để đáp ứng nhu cầu giáo dục cơ bản của dân cư.
8. Nhà ở đáng hoàng	Thúc đẩy nhà ở đáng hoàng	Chính quyền địa phương có một số hoạt động tiếp cận về nhà ở. Không có hoạt động để hợp pháp hoá và kết hợp các khu định cư với sự an toàn cho dân cư.	Chính quyền địa phương có các hoạt động riêng lẻ về tiếp cận nhà ở tập trung vào cư dân yếu thế. Có một số hoạt động để hợp pháp hoá và kết hợp các khu định cư với sự an toàn cho dân cư.	Chính quyền địa phương có các chương trình về tiếp cận và cải tiến nhà ở đáng hoàng tập trung vào cư dân yếu thế. Có các chương trình để hợp pháp hoá và kết hợp các khu định cư với sự an toàn cho dân cư.

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
9. Đời sống thanh bình và văn hoá công dân	Thúc đẩy môi trường hoà bình đối với điều kiện sống và văn hoá công dân.	Không có các hoạt động thúc đẩy quyền chính trị và xã hội, giáo dục công dân, sự tham gia của công dân và văn hoá trách nhiệm xã hội.	Chính quyền địa phương có một số hoạt động thúc đẩy quyền chính trị và xã hội, giáo dục công dân, sự tham gia của công dân và văn hoá trách nhiệm xã hội.	Chính quyền địa phương có chương trình thúc đẩy quyền chính trị và xã hội, giáo dục công dân, sự tham gia của công dân, văn hoá trách nhiệm xã hội và điều kiện sống thanh bình.
10. Di sản văn hoá	Thúc đẩy bảo tồn di sản văn hoá, tự nhiên và hỗn hợp.	Chính quyền địa phương không có các hoạt động thúc đẩy di sản tự nhiên, văn hoá, vật chất và hỗn hợp của địa phương.	Chính quyền địa phương có một số hoạt động bảo vệ và thúc đẩy di sản tự nhiên, văn hoá, vật chất, hỗn hợp và vô hình của địa phương.	Chính quyền địa phương có các chương trình bảo vệ, thúc đẩy và giữ gìn di sản tự nhiên, văn hoá, vật chất, hỗn hợp và vô hình của địa phương. Có chương trình duy trì cơ sở hạ tầng văn hoá.

3. PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TOÀN DIỆN

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
11. Không nghèo khó	Giảm bớt nghèo khó	Chính quyền địa phương không có hoặc chỉ có các hoạt động riêng lẻ để cung cấp sự chăm sóc đặc biệt và các dịch vụ cho dân nghèo trong vùng lãnh thổ của mình.	Chính quyền địa phương có mối liên hệ với các dự án từ các cấp chính quyền khác và các tổ chức công và tư khác để giảm bớt nghèo khó. Có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện một số hoạt động để cung cấp sự chăm sóc đặc biệt và các dịch vụ cho dân nghèo, nhưng không có sự phân tích về nghèo đói trong cư dân của mình.	Chính quyền địa phương có sự phân tích về nghèo đói trong cư dân của mình. Có mối liên hệ với các dự án từ các cấp chính quyền khác và các tổ chức công và tư khác để giảm bớt nghèo đói. Có cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện các chương trình cung cấp sự chăm sóc đặc biệt và các dịch vụ cho cư dân nghèo của mình.
12. Trẻ em, thanh thiếu niên và người già	Bảo vệ, hoà nhập và phát triển cho trẻ em, thanh thiếu niên và người già	Chính quyền địa phương không có hoặc chỉ có các hoạt động riêng lẻ để chăm sóc thanh thiếu niên và người già.	Chính quyền địa phương có một số hoạt động về trẻ em, thanh thiếu niên và người già. Có cơ quan chịu trách nhiệm, nhưng không có sự phân tích về nhóm người này trong dân cư.	Chính quyền địa phương có sự phân tích về nhu cầu của trẻ em, thanh thiếu niên và người già. Có các chương trình và cơ quan chịu trách nhiệm về bảo vệ, hoà nhập và phát triển nhóm người này trong dân cư.

4. PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
1. Chất lượng không khí	Giữ gìn chất lượng không khí	Chính quyền địa phương không có hoặc chỉ có một số kiểm tra về phát thải chất ô nhiễm di động và cố định.	Chính quyền địa phương có các chương trình đối với chất ô nhiễm di động và cố định và có một số kiểm tra về phát thải ô nhiễm.	Chính quyền địa phương có các quy định và chương trình về kiểm tra phát thải ô nhiễm di động và cố định. Có kế hoạch dự phòng thích hợp với từng trường hợp. Kết quả được công khai.
2. Chất thải rắn	Quản lý chất thải rắn	Có nhiều bãi chôn lấp lộ thiên là nơi xử lý chất thải rắn. Có đường gom rác thải. Chính quyền địa phương có một số hoạt động tái chế chất thải rắn.	Chỉ có một bãi chôn lấp lộ thiên là nơi xử lý và kiểm soát chất thải rắn. Có đường gom rác thải. Chính quyền địa phương có một số hoạt động về phân loại và tái chế chất thải rắn.	Có bãi chôn lấp vệ sinh đáp ứng các tiêu chuẩn và quy định chính thức. Nó được che chắn và có sự bảo vệ không khí, đất và nước ngầm. Có hệ thống thu gom rác thải rắn trên hầu hết vùng lãnh thổ. Chính quyền địa phương có chương trình về phân loại và tái chế chất thải rắn.

4. PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
3. Cảnh quan và sự thu hút	Cải thiện cảnh quan	Không có các hoạt động để cải thiện cảnh quan xung quanh vùng lãnh thổ của chính quyền địa phương.	Có một số hoạt động để cải thiện cảnh quan xung quanh vùng lãnh thổ của chính quyền địa phương và ý thức về bản sắc và sở hữu của khách hàng/công dân.	Có các chương trình để cải thiện cảnh quan xung quanh vùng lãnh thổ của chính quyền địa phương, ý thức về bản sắc và sở hữu và sức khỏe của khách hàng/công dân thông qua công viên, không gian mở, nghệ thuật và sự gần gũi với thiên nhiên.
4. Tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và hệ sinh thái	Bảo tồn và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và hệ sinh thái	Chính quyền địa phương không có các hoạt động để bảo vệ tài nguyên thực vật và động vật.	Chính quyền địa phương có một số hoạt động và cơ quan cho việc bảo tồn và bảo vệ các nguồn tài nguyên thực vật, động vật, năng lượng và khoáng sản. Tuy nhiên, không có phân tích của địa phương.	Chính quyền địa phương có phân tích về địa phương, các chương trình và cơ quan chịu trách nhiệm về bảo tồn và bảo vệ các nguồn tài nguyên thực vật, động vật, năng lượng và khoáng sản.

4. PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
5. Hoạch định và phát triển đô thị	Hệ thống quản lý đất đai và hoạch định đô thị	Chính quyền địa phương có một số quy định về phát triển các trung tâm dân cư. Tuy nhiên, chúng không được cập nhật. Không có các hoạt động khuyến khích sự tham gia của các bên quan tâm có liên quan vào thiết kế hoạch định đô thị.	Chính quyền địa phương có các quy định về phát triển các trung tâm dân cư. Nó được cập nhật liên tục và có các hoạt động khuyến khích sự tham gia của các bên quan tâm có liên quan vào thiết kế hoạch định đô thị.	Chính quyền địa phương có hệ thống hoạch định và quy định về phát triển các trung tâm dân cư. Nó được cập nhật liên tục và có chương trình khuyến khích sự tham gia của các bên quan tâm có liên quan vào thiết kế, thực hiện, theo dõi, kiểm soát và đánh giá hoạch định đô thị.
6. Nước sạch, vệ sinh và nước thải	Nước sạch, vệ sinh và nước thải	Chính quyền địa phương không có chương trình về các vấn đề liên quan đến nước, cũng không có hệ thống xử lý nước thải. Có các quy định, một cơ quan vận hành và mạng lưới nước uống hoặc một chương trình về cấp nước và hệ thống thoát nước, nhưng kết quả là không thể chấp nhận. Không đảm bảo quyền con người về nước uống và hệ thống vệ sinh cho ít nhất 75 % tất cả khách hàng/công dân trong vùng lãnh thổ của mình.	Chính quyền địa phương có chương trình về bảo tồn và duy trì chất lượng các nguồn cấp nước, cả nước ngầm và nước mặt. Có nhà máy xử lý nước thải, tuy nhiên vẫn chưa đầy đủ. Có các quy định, một cơ quan vận hành và mạng lưới nước uống hoặc một chương trình về cấp nước và hệ thống thoát nước với kết quả không đầy đủ. Đảm bảo quyền con người về nước uống và hệ thống vệ sinh cho ít nhất 75 % tất cả khách hàng/công dân trong vùng lãnh thổ của mình.	Chính quyền địa phương có chương trình về bảo tồn và duy trì chất lượng các nguồn cấp nước, về cả nước ngầm và nước mặt. Có nhà máy xử lý nước thải. Có các quy định, một cơ quan vận hành và mạng lưới nước uống hoặc chương trình về cấp nước và hệ thống thoát nước. Thúc đẩy văn hoá tiết kiệm nước và sử dụng nước có trách nhiệm trong vùng lãnh thổ. Đảm bảo quyền con người về nước uống và hệ thống vệ sinh cho ít nhất 75 % tất cả khách hàng/công dân trong vùng lãnh thổ của mình.

4. PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
7. Bảo vệ đất	Trách nhiệm bảo vệ đất	Chính quyền địa phương không có hoặc chỉ có một số hoạt động về trồng lại rừng.	Chính quyền địa phương có các chương trình về kiểm soát sói mòn, bảo tồn và trồng lại rừng. Tuy nhiên chưa có sự phân tích về nội dung này.	Chính quyền địa phương có sự phân tích và các chương trình về kiểm soát sói mòn, chặt phá rừng, bảo tồn, phục hồi đất và trồng lại rừng. Chiến lược này tập trung vào sự bền vững và kiên cường của hệ sinh thái.
8. Năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch	Thúc đẩy năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch	Chính quyền địa phương không có các hoạt động thúc đẩy năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch.	Chính quyền địa phương có một số hoạt động về thúc đẩy bảo tồn và duy trì năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch.	Chính quyền địa phương có các chương trình về thúc đẩy bảo tồn và duy trì năng lượng giá rẻ và năng lượng sạch. Có các quy định, một cơ quan vận hành và một mạng lưới.

4. PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

Chỉ số		Đỏ	Vàng	Xanh
9. Hành động ứng phó biến đổi khí hậu và giáo dục về môi trường	Các hành động để chống biến đổi khí hậu và giáo dục về môi trường	Chính quyền địa phương không có hoặc chỉ có một số hoạt động về chống biến đổi khí hậu và thúc đẩy giáo dục về môi trường.	Chính quyền địa phương có các hoạt động chống biến đổi khí hậu và thúc đẩy giáo dục về môi trường. Tuy nhiên, không có sự phân tích bối cảnh địa phương.	Chính quyền địa phương có sự phân tích và các chương trình về các hành động của địa phương chống biến đổi khí hậu và thúc đẩy giáo dục về môi trường. Khách hàng/công dân được lôi cuốn vào việc cải tiến liên tục.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN !

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO

Số 8, Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội